

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị
thành phố Bến Tre định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị; Luật Xây dựng năm 2014; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/08/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Thực hiện Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn năm 2012-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1468/TTr-SXD ngày 22 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Bến Tre định hướng đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh:

a. Quan điểm:

- Phát triển đô thị phù hợp với Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bến Tre đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bến Tre và các định hướng, chiến lược phát triển hạ tầng đô thị thành phố đã được phê duyệt;

- Phát triển đô thị đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế văn hóa xã hội địa phương, phù hợp xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bố dân cư giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội.

- Phát triển đô thị phù hợp nguồn lực phát triển hạ tầng đô thị, đảm bảo yêu cầu kiến trúc cảnh quan đô thị, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b. Mục tiêu:

- Nhằm hoàn thiện các tiêu chuẩn của đô thị loại II về phân loại đô thị đối với thành phố Bến Tre được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về phân loại đô thị.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch, có kế hoạch và phát huy những lợi thế có sẵn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị được duyệt. Khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực tạo ra môi trường sống chất lượng tốt cho cư dân đô thị, đảm bảo lợi ích cộng đồng.

- Phân bổ nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị, xác định lộ trình và chiến lược cụ thể đảm bảo phù hợp với các chương trình, mục tiêu phát triển đã đề ra theo hướng bền vững. Định hướng phát triển kinh tế xã hội của đô thị đến năm 2018 hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II và xây dựng, phát triển thành phố Bến Tre trở thành vùng động lực của cả tỉnh.

2. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị thành phố Bến Tre theo các giai đoạn:

a. Giai đoạn đến năm 2020:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đạt 29 m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt 100%.

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành so với diện tích đất xây dựng khu vực nội thành đạt 20%; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 13%.

- Tỷ lệ dân cư khu vực nội thành được cấp nước sạch 99%; chỉ tiêu cấp nước: 130 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ thoát, thất thu nước sạch dưới 18%.

- Tỷ lệ bao phủ hệ thống thoát nước đạt 90% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đạt 30%; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 95%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 98%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính đạt 100%; tỷ lệ chiếu sáng đường khu nhà ở, ngõ xóm đạt 98%.

- Đất cây xanh đô thị 11 m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt 8,0 m²/người.

b. Giai đoạn đến năm 2025:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đạt 29 m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố và bán kiên cố đạt 100%.

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành so với diện tích đất xây dựng khu vực nội thành đạt 22%; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 14%.

- Tỷ lệ dân cư khu vực nội thành được cấp nước sạch 100%; chỉ tiêu cấp nước: 150 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ thoát, thất thu nước sạch dưới 18%.

- Tỷ lệ bao phủ hệ thống thoát nước đạt 90% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đạt 50%; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 99%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính đạt 100%; tỷ lệ chiếu sáng đường khu nhà ở, ngõ xóm đạt 100%.

- Đất cây xanh đô thị 12 m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt 9,0 m²/người.

c. Giai đoạn đến năm 2030:

- Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đạt 29 m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố và bán kiên cố đạt 100%.

- Tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thành so với diện tích đất xây dựng khu vực nội thành đạt 25%; tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 15%.

- Tỷ lệ dân cư khu vực nội thành được cấp nước sạch 100%; chỉ tiêu cấp nước: 150 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 18%.

- Tỷ lệ bao phủ hệ thống thoát nước đạt 95% diện tích lưu vực thoát nước trong đô thị; tỷ lệ nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom và xử lý đạt 70%; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị thiết bị giảm ô nhiễm; các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 100%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính đạt 100%; tỷ lệ chiếu sáng đường khu nhà ở, ngõ xóm đạt 100%.

- Đất cây xanh đô thị 13 m²/người; đất cây xanh công cộng khu vực nội thành đạt 10,0 m²/người.

3. Danh mục các khu vực phát triển đô thị và các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn thành phố:

a. Các khu vực phát triển đô thị:

- Khu vực đô thị hiện hữu

+ Vị trí: Tại phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường 5, phường 6, phường 8, một phần phường Phú Khương, phường Phú Tân;

+ Quy mô: 450 ha;

+ Chức năng: Là khu trung tâm hành chính chính trị, thương mại dịch vụ, văn hóa xã hội tập trung các công trình chủ đạo của tỉnh và thành phố.

- Khu vực xây dựng mới phía Nam sông Bến Tre

+ Vị trí: Tại một phần xã Mỹ Thạnh An và xã Phú Nhuận;

+ Quy mô: 510 ha;

+ Chức năng: Là khu đô thị gắn với khu trung tâm hành chính mới của thành phố Bến Tre và cảng tổng hợp; Là khu đô thị phát triển du lịch và dịch vụ.

- Khu vực đô thị mở rộng nội thành của thành phố về phía sông Hàm Luông

+ Vị trí: Tại xã Bình Phú, phường 7, một phần phường 5, phường 6;

- + Quy mô: 680 ha;
 - + Chức năng: Là khu đô thị dịch vụ thương mại cao cấp kết hợp du lịch;
Là khu trung tâm y tế, đào tạo quan trọng của tỉnh và thành phố.
 - Khu vực cửa ngõ phía Đông thành phố
 - + Vị trí: Tại Phường 8 và một phần xã Phú Hưng;
 - + Quy mô: 460 ha;
 - + Chức năng: Khu đô thị dịch vụ và khu ở.
 - Khu đô thị xây dựng mới phía Nam sông Bến Tre
 - + Vị trí: Tại một phần xã Mỹ Thạnh An và xã Nhơn Thạnh;
 - + Quy mô: 220 ha;
 - + Chức năng: Khu đô thị gắn với chức năng du lịch trên cơ sở khai thác cảnh quan sông nước (sông Bến Tre, kênh Chệt Sậy).
 - Khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc thành phố
 - + Vị trí: Tại một phần phường Phú Tân và xã Sơn Đông;
 - + Quy mô diện tích: 450 ha;
 - + Chức năng: Khu đô thị gắn với dịch vụ thương mại, trung tâm đào tạo quan trọng của tỉnh và thành phố.
- b. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

STT	Danh mục dự án
A	HẠ TẦNG KỸ THUẬT
I	Công trình giao thông
	Đầu tư nâng cấp một số tuyến đường
	- Đường Nam kỳ Khởi nghĩa
	- Đường 30/4
	- Đường Nguyễn Huệ nối dài
	- Đường vành đai thành phố
II	Công trình điện
1	Xây mới, cải tạo các trạm biến áp thành phố
2	Xây mới, cải tạo đường dây hạ áp thành phố
3	Hạ ngầm đường dây các tuyến đường trục chính đô thị
III	Công trình cấp nước
	Nâng công suất cấp nước Nhà máy nước
IV	Công trình xử lý rác thải, nước thải
	Mở rộng bãi rác Phú Hưng, thành phố Bến Tre
V	Công trình Thông tin truyền thông

STT	Danh mục dự án
	Hạ ngầm đường dây các tuyến đường trục chính đô thị
B	HẠ TẦNG XÃ HỘI
I	Công trình Thương mại, dịch vụ
1	Cải tạo, sửa chữa chợ Bình Phú thành Trung tâm Văn hóa thể thao xã Bình Phú
2	Xây dựng Trung tâm triển lãm thương mại - hội chợ
II	Công trình Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Công viên, Cây xanh
4	Nâng cấp nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bến Tre
5	Đầu tư xây dựng nhà truyền thống lực lượng vũ trang nhân dân Bến Tre
6	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre
7	Trung tâm văn hóa tỉnh Bến Tre
8	Trung tâm văn hóa thành phố Bến Tre
9	Sân vận động tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)
10	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên
11	Hồ bơi tỉnh Bến Tre
12	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố Bến Tre
III	Công trình Giáo dục và Đào tạo
1	Trường THPT Mỹ Thạnh An (Lạc Long Quân)
2	Trường Cao đẳng Bến Tre
3	Dự án Nâng cấp sửa chữa Trường Trung cấp nghề Bến Tre và Cơ sở 2 trường Cao đẳng Bến Tre để thành lập Trung tâm đào tạo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại Bến Tre
4	Trường THPT chuyên Bến Tre (giai đoạn 2: đầu tư Ký túc xá)
5	Trường THCS Thành phố Bến Tre
IV	Công trình Y tế
1	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bến Tre (ODA Hàn Quốc)
3	Lò đốt rác y tế Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
4	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bến Tre
V	Nhà ở

STT	Danh mục dự án
1	Dự án Hạ tầng thiết yếu ổn định đời sống dân cư Phường 8, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Sơn Đông
VI	Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

4. Nguồn lực thực hiện:

Sử dụng các nguồn lực tổng hợp, chủ đạo từ các loại nguồn vốn, từ các mô hình thu hút đầu tư và từ điều kiện tự nhiên, tài nguyên, quỹ đất hiện có. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tạo nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ phát triển chính thức ODA, mô hình hợp tác công - tư PPP, vốn vay và vốn của các thành phần kinh tế khác. Căn cứ danh mục chi tiết dự án đầu tư, kế hoạch phân bổ nguồn vốn các giai đoạn 5 năm và hàng năm theo nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nghị quyết phê duyệt kế hoạch đầu tư công của tỉnh để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre:

- Tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị thành phố Bến Tre định hướng đến năm 2030;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh lồng ghép nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của địa phương. Phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh rà soát các quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố để xác định các dự án trọng điểm, xây dựng kế hoạch và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn đầu tư gắn lộ trình, kế hoạch phát triển đô thị, đảm bảo xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng khung cho thành phố.

2. Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan:

i) Triển khai thực hiện các nội dung, kế hoạch của Chương trình phát triển đô thị thành phố Bến Tre theo từng giai đoạn; bố trí nguồn vốn đầu tư để thực hiện và triển khai xây dựng các dự án hạ tầng khung cấp tỉnh, thành phố trên địa bàn thành phố Bến Tre.

ii) Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu chương trình. Đề xuất quy định về cơ chế vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị, thu hút

nguồn vốn ODA cho các hoạt động của chương trình, tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển đô thị.

iii) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành để xác định các dự án trọng điểm thực hiện. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách để thực hiện các dự án, nội dung chương trình theo từng giai đoạn. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung chương trình, thủ tục thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng;
- NC TH, TCDT; TTTTĐT;
- UBND thành phố (40 bộ);
- Lưu VT.

